

ĐẶC ĐIỂM CÁC LOÀI CÓ GIÁ TRỊ LÀM THUỐC THUỘC CHI BẠC THAU (*Argyrea* Lour.) Ở VIỆT NAM

Trần Đức Bình^{1,*}, Lê Ngọc Hân¹, Doãn Hoàng Sơn¹, Dương Thị Hoàn¹, Nguyễn Thị Thanh Hương^{1,2}, Vũ Anh Thương¹, Nguyễn Thu Thủy³

Tóm tắt: Chi Bạc thau (*Argyrea* Lour.) ở Việt Nam có 18 loài, phân bố rải rác khắp cả nước, đặc biệt là các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Trong khuôn khổ bài báo này, chúng tôi đã tiến hành mô tả đặc điểm hình thái, cung cấp các thông tin về phân bố, sinh thái, hình ảnh minh họa và giá trị sử dụng của 6 loài thuộc chi Bạc thau được sử dụng làm thuốc ở Việt Nam. Sử dụng tổ hợp tên mới cho loài Bạc thau hoa đầu ở Việt Nam là *Argyrea capitiformis* (Poir.) Ooststr.

Từ khóa: *Argyrea*, Convolvulaceae, họ Bìm bìm, làm thuốc.

1. MỞ ĐẦU

Chi *Argyrea* Lour. thuộc họ Bìm bìm (Convolvulaceae Juss.) có khoảng 135 loài, phân bố chủ yếu ở các nước Châu Á nhiệt đới (Staple G., 2018). Ở Việt Nam hiện có 18 loài, trong đó có 3 loài làm thuốc (Nguyễn Thị Nhan và Dương Đức Huyền, 2003). Theo Võ Văn Chi (2012), chi *Argyrea* Lour. có 8 loài đã được ghi nhận làm thuốc, chủ yếu chữa các bệnh về dạ dày, băng huyết, các bệnh liên quan đến đường tiết niệu... Tuy nhiên, về mặt danh pháp của một số loài hiện có nhiều thay đổi, do vậy số lượng loài được ghi nhận làm thuốc cần phải được nghiên cứu làm rõ. Để nhận biết và sử dụng các loài được chính xác, chúng tôi đã tiến hành mô tả đặc điểm hình thái và cung cấp các thông tin về phân bố, sinh thái, hình ảnh minh họa và giá trị sử dụng các loài thuộc chi Bạc thau được sử dụng làm thuốc ở Việt Nam.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu: Các loài thuộc chi Bạc thau (*Argyrea* Lour.) có giá trị sử dụng làm thuốc ở Việt Nam trên cơ sở nghiên cứu các mẫu vật được điều tra thu thập trên cả nước và các mẫu tiêu bản được lưu giữ tại các bảo tàng trong nước như Bảo tàng thực vật, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN), Bảo tàng thực vật, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội (HNU), Viện Sinh học nhiệt đới, Tp. Hồ Chí Minh (VNM),... Tổng số là 40 số hiệu và 67 tiêu bản.

Phương pháp nghiên cứu: Sử dụng phương pháp so sánh hình thái để phân tích các mẫu vật, xây dựng và mô tả khóa phân loại so sánh phân biệt với các loài khác, từ đó sử dụng hình vẽ, tài liệu xác định tên khoa học các loài... theo Nguyễn Nghĩa Thìn (2007); điều tra kinh

¹Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

²Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm khoa học và Công nghệ Việt Nam

³Trung tâm nghiên cứu vật liệu sinh học Việt Nam- Hàn Quốc, Viện Khoa học Sinh học và Công nghệ Sinh học Hàn Quốc

*Email: tranbinha4@gmail.com

nghiệm và tri thức bản địa tại các nơi thu mẫu trong các chuyến đi thực địa (bộ phận thu hái, cách thu hái, cách sử dụng,...) theo phương pháp nghiên cứu của Gary J. Martin (2002).

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm nhận biết nhanh chi Bạc thau (*Argyreia* Lour.) ở Việt Nam

Argyreia Lour. - Bạc thau

Flour. 1790. Fl. Cochinch. 1: 95, 134

Dây leo, hoặc bụi trườn, có nhựa mủ màu trắng đục. Lá đơn, nguyên, gốc lá tù, tròn đến hình tim hoặc cụt. Cụm hoa nách lá, dạng xim; lá bắc sớm rụng hoặc vẫn tồn tại. Hoa to, sặc sỡ; lá đài dài, có lông mặt ngoài, mặt trong nhẵn, thường tồn tại cùng với quả; tràng tím, đỏ, nâu, hoặc trắng, hình chuông, hình phễu; ống tràng thường nguyên hay xẻ 5 thùy, mặt ngoài thường có lông tơ nhỏ; chỉ nhị nhẵn; nhụy không thò hay thò ra khỏi họng tràng, bầu 2 hoặc 4 ô, vòi nhụy 1, như chỉ. Quả mọng, chín màu đỏ, nâu nhạt, nâu vàng, cam, hay đen. Hạt 4 hay ít hơn, hình tròn hay cầu hoặc hình trứng, nhẵn hay có lông.

Type: *Argyreia obtusifolia* Lour.

Ở Việt Nam chi *Argyreia* Lour., ghi nhận có 6 loài có giá trị làm thuốc. So với công trình của Võ Văn Chi (2012), số loài làm thuốc giảm đi 2 loài do loài Bạc thau lá nhọn (*Argyreia acuta* Lour) trở thành tên đồng nghĩa của loài Bạc thau lá tù (*Argyreia obtusifolia* Lour.) và loài Bạc thau Seguini (*Argyreia seguinii* Vaniot ex H.Lév) trở thành tên đồng nghĩa của loài Bạc thau Pierre (*Argyreia pierreana* Bois). Ngoài ra, loài Bạc thau Malabar (*Argyreia malabarica* (L.) Choisy) chuyển thành synonym của loài (*Hewittia malabarica* (L.) Suresh in D. H. Nicolson) nên không đề cập đến trong bài báo này.

3.2. Đặc điểm của các loài thuộc chi Bạc thau được ghi nhận làm thuốc

1. *Argyreia capitiformis* (Poir.) Ooststr. - Thảo bạc hoa đầu

Ooststr., 1972. Fl. Males. ser. 1, 6: 941.

- *Convolvulus capitiformis* Poir. 1814.
- *Argyreia capitata* (Vahl) Choisy, 1833.
- *Convolvulus capitatus* Vahl, 1794.
- Thảo bạc đầu.

Cây bụi trườn, dài 10-15 m. Thân có lông màu nâu hay gỉ sét dày. Phiến lá hình trứng hay tam giác, cỡ 8-18 x 4-13 cm, có lông nâu dày, gốc tù hay tim, đỉnh nhọn hay có mũi dài; gân phụ 13-15 cặp; cuống lá 3-16 cm. Cụm hoa xim; cuống hoa mập, có lông nâu dày; lá bắc hình bầu dục đến mác, cỡ 1,5-2,5 x 1 cm, đầu nhọn và có lông dày mặt ngoài. Cuống hoa ngắn. Đài hình mác hay trứng thuôn, có lông dày mặt ngoài, đỉnh nhọn, 3 lá đài ngoài dài 1,5-1,7 cm x 5-6 mm, 2 lá đài trong dài 1-1,2 cm. Tràng màu hồng đến đỏ nhạt - nâu, hình phễu, dài 4,5-5,5 cm, có lông mặt ngoài; chỉ nhị 1,5 cm; bao phấn hình thuôn, dài 3,5 mm. Bầu hình trứng, nhẵn, 2 ô. Vòi nhụy 3 cm, nổi từ gốc; đầu nhụy chia 2 thùy. Quả mọng, khi chín màu đỏ cam, hình cầu, đường kính khoảng 8 mm. Hạt hình trứng-cầu (Ảnh 1).

Loc. class.: “Indies Orientale” **Typus:** Koenig s.n (Holo C!, C10009593).

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa tháng 11 - 1 (năm sau), quả chín tháng 2-3. Mọc rải rác ven rừng, lùm bụi nơi khô và sáng, ở độ cao tới 1700 m.

Phân bố: Sơn La, Lào Cai, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Hòa Bình, Vĩnh Phúc, Ninh Bình, Quảng Ngãi, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa. Còn có ở Lào, Campuchia, Thái Lan, Malaixia, Ấn Độ, Philippin, Trung Quốc.

Mẫu nghiên cứu: Lào Cai, Đoàn khảo sát Việt Trung 3229 (HN). – Lạng Sơn, Phương 3841 (HN); VN 1404 (HN). – Vĩnh Phúc, Đào Minh Thái 55 (HN). – Quảng Ngãi, Trần Đình Lý 235 (HN). – Kon Tum, VH 1838 (HN); Hà Tuế 05 (HN); VH 1103 (HN). – Gia Lai, Nguyễn Thị Nhan 546 (HN). – Đắk Lắk, Nguyễn Thị Nhan 693 (HN).

Giá trị sử dụng: Lá dùng chữa rong kinh, rong huyết, thường phối hợp với Ngải cứu và Nụ áo hoa tím; còn dùng chữa gãy xương, đau gân. Dân gian (An Giang) dùng củ của nó thay vị Cát căn. Ở Trung Quốc lá cây dùng trị sa tử cung, thoát giang, trị đòn ngã tổn thương, ho do nóng và ho suyễn (Võ Văn Chi, 2012).

Ghi chú: Nguyễn Thị Nhan và Dương Đức Huyền (2003), Phạm Hoàng Hộ (2003) và các tài liệu của Việt Nam đều lấy tên khoa học là *Argyreia capitata* (Vahl) Choisy, 1833. Tuy nhiên, tên gọi này được tổ hợp từ tên gọi *Convolvulus capitatus* Vahl, 1794, nom. illeg. - một tên không đúng với luật danh pháp. Cho nên, chúng tôi theo quan điểm của theplantlist.org, World checklist of Selected Plant Families (WCSP) và các tài liệu khác trên thế giới sử dụng tên chính thức của loài là *Argyreia capitiformis* (Poir.) Ooststr.

2. *Argyreia mollis* (Burm. f.) Choisy - Bạc thau lông mềm

Choisy, 1834. Mem Soc. Phys. Geneve 6: 421.

- *Convolvulus mollis* Burm. f. 1768.

- Thảo bạc che.

Dây leo dài đến 10 m; cành non có lông tơ vàng. Phiến lá bầu dục đến thuôn, đôi khi hình trứng đến mác, cỡ 4-19 x 1,5-9,5 cm, mặt trên nhẵn, gân phụ nổi rõ, mặt dưới có lông tơ vàng nhạt; gân phụ 10-12 cặp; cuống lá 1,5-7 cm. Cụm hoa mang 3-10 hoa; cuống cụm hoa dài 0,2-4,5 cm; lá bắc hình mũi mác, dài 0,3-0,5 mm, chóp tù; cuống hoa dài 5-15 mm. Đài có lông tơ mặt ngoài, 2 lá đài ngoài hình thuôn- bầu dục, dài 8-10 mm; 3 lá đài trong hình thuôn, ngắn hơn; tràng hình chuông, màu tím nhạt, trong ống đậm hơn, dài 3,5-5,2 cm, mặt ngoài có lông thưa nhỏ; nhị ngắn hơn tràng; chỉ nhị mỏng; nhụy không thò; bầu nhẵn, 4 ô. Quả mọng đỏ, hình cầu, đường kính khoảng 8-10 mm. Hạt màu đen (Ảnh 2).

Loc. class.: Java. **Lectotype:** Kleinhof s.n (G-Burman!).

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa tháng 11-12; quả chín tháng 12-1 (năm sau). Mọc rải rác trong rừng thứ sinh, rừng còi.

Phân bố: Sơn La, Thừa Thiên-Huế, Gia Lai, Lâm Đồng, TP Hồ Chí Minh, Bà Rịa-Vũng Tàu. Còn có ở Mianma, Thái Lan, Malaixia, Ấn Độ, Philippin, Trung Quốc.

Mẫu nghiên cứu: Sơn La, DKH 7310 (HN). - Gia Lai, VN 1623 (HN); Vũ Xuân Phương 676, 791 (HN). – Lâm Đồng, 1130 (HN).

Giá trị sử dụng: Ở Java (Indônêxia), nước sắc rễ được dùng phối hợp với một số loại thuốc khác (thuộc chi *Callicarpa*, *Anethum* và *Alyxia*) để chữa đau dạ dày. Lá dùng đắp trị mụn nhọt (Võ Văn Chi, 2012).

3. *Argyreia nervosa* (Burm. f.) Bojer - Bạc thau tím

Bojer, 1837. Hortus Maurit.: 224.

- *Convolvulus nervosus* Burm.f., 1768. Fl. Indica: 48.

- Thảo bạc gân.

Dây leo quấn đến 8 m, cành non có lông ngắn màu trắng bạc. Phiến lá lớn hình bầu dục đến gần tim rộng, dài 18- 30 cm, mặt trên nhẵn, mặt dưới đầy lông trắng mịn, gân phụ 10-12 cặp. Cụm hoa dài 20 cm, cuống có lông. Lá bắc con lớn, hình trứng hay mũi mác, màu trắng. Lá đài hình trứng đến hình trứng rộng, dài 1,5-2 cm, có lông trắng ở mặt ngoài, chóp có mũi dài. Tràng màu tím hồng hay tím, dài 6-7 cm, có lông mặt ngoài. Quả mọng, gần hình cầu, nâu vàng, dài 1-1,5 cm, đài đồng trường bao lấy quả. Hạt màu sẫm đến nâu nhạt, nhẵn (Ảnh 3).

Loc. class.: India. **Typus:** Roxb. *s.n* (BR, BR0000006973735).

Sinh học: Ra hoa hầu như quanh năm. Cây dễ trồng bằng đoạn thân, cành hay hạt.

Phân bố: Loài của Ấn Độ, được nhập trồng ở Tp. Hồ Chí Minh. Cũng được trồng ở nhiều nước khác.

Mẫu nghiên cứu: TP. Hồ Chí Minh, Nguyễn Thị Nhan 949 (HN).

Giá trị sử dụng: Ở Ấn Độ, rễ được dùng trị thấp khớp và các chứng đau thần kinh. Lá làm thuốc trị đắp các vết thương và dùng ngoài trị các bệnh về da (Võ Văn Chi, 2012); Ở Việt Nam nhập trồng làm cảnh.

4. *Argyreia obtusifolia* Lour. - Bạc thau lá tù

Lour. 1790. Fl. Cochinch. 1:135

- *Argyreia acuta* Lour. 1790. Fl Cochinch. 1: 135

- Thảo bạc tà.

Dây leo quấn, dài (1-) 5-30 m, cành tròn; phần non có lông màu trắng bạc. Phiến lá hình bầu dục hay trứng, cỡ 5-12,5 x 3-11 cm, mặt trên nhẵn, mặt dưới có lông màu trắng bạc, gốc tròn, hoặc cụt, gân phụ 9 cặp hay ít hơn; cuống lá 1,5-6 cm. Cụm hoa xim, mang 1-5 hoa; cuống cụm hoa dài 3,5-8 cm; lá bắc hình bầu dục hoặc trứng, cỡ 8-12 x 4-8 mm; cuống hoa dài 5 mm. Đài hình trứng-thuôn, không đều, đài vòng ngoài cỡ 9-10 x 6-7 mm, đài vòng trong cỡ 6-7 x 4-5 mm, có lông bạc mặt ngoài, đỉnh tù, xoắn hoặc lõm. Tràng màu trắng, gần dạng chuông, dài 3 cm, 5 thùy, dạng thuôn, nhọn, có lông bạc mặt ngoài; nhị ngắn, thò ra ngoài, chỉ nhị 1,5 cm, bao phấn thuôn. Bầu 4 ô, vòi nhụy 2 cm, đầu nhụy

2 thùy. Quả mọng, hình cầu, đường kính khoảng 8 mm. Hạt hình trứng, dài khoảng 5 mm, màu nâu (Ảnh 4).

Loc. class.: Vietnam. **Typus:** Loureiro “5” (syn BM!, BM000885051).

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa, quả tháng 6-11. Mọc rải rác ven rừng núi đá vôi, và đồng bằng.

Phân bố: Hà Giang, Lào Cai, Tuyên Quang, Cao Bằng, Quảng Ninh, Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Ninh Bình, Thừa Thiên-Huế, Kon Tum. Còn có ở Ấn Độ, Thái Lan, Trung Quốc, Lào.

Mẫu nghiên cứu: Lào Cai, VN 1013 (HN); LX-VN 8471 (HN); Đoàn khảo sát Việt Trung 3294 (HN).- Quảng Ninh, 5061 (HN). - Hà Nội, 71HN4 00043 (HN). - Thừa Thiên Huế, Thái Thuận 6 (HN). - Kon Tum, Hiến 473 (HN); VN 2108 (HN).

Giá trị sử dụng: Thường dùng trị bí tiểu tiện, đi đái ít một rất buốt, nước tiểu đục, bạch đới, ngứa lở, mụn nhọt, sốt rét, ho, viêm phế quản cấp và mãn tính. Ngày dùng 20-40 g tươi hoặc 20 g khô, dạng thuốc sắc (Võ Văn Chi, 2012). Dùng ngoài, lấy lá hoặc ngọn mang lá tươi, giã nát đắp vào chỗ gãy xương, lở ngứa, mụn nhọt để hút mủ và lên da non (Đỗ Huy Bích và nnk., 2004). Dân gian ở vùng Cúc Phương tỉnh Ninh Bình dùng lá chữa cảm cúm. Ở Quảng Tây (Trung Quốc) toàn cây được dùng làm thuốc trị ho, viêm thận thùy thũng, tay chân yếu mỏi, và dùng ngoài trị độc giang mai (Võ Văn Chi - Trần Hợp, 2002).

Ghi chú: Trong các tài liệu Nguyễn Thị Nhan & Dương Đức Huyền (2003), The theplantlist.org... nói về chi *Argyreia* Lour. thì vẫn chấp nhận tên chuẩn cho 2 loài Bạc thau lá nhọn (*Argyreia acuta* Lour.) và loài Bạc thau lá tù (*Argyreia obtusifolia* Lour.). Hiện nay, trong “World checklist of Selected Plant Families (WCSP)” và “Convolvulaceae: Flora of Cambodia, Laos and Vietnam” thì chuyển loài *Argyreia acuta* thành synonym của *Argyreia obtusifolia* (Staple G., 2018). Do vậy chúng tôi lấy tên chuẩn là loài *Argyreia obtusifolia* Lour.

5. *Argyreia osyrensis* (Roth) Choisy in DC. - Bạc thau xám tro

Choisy in DC., 1845. Prodr. 9: 334.

- *Ipomoea osyrensis* Roth, 1821. Nov. Pl. Sp. 117.

Dây leo hoặc bụi trườn; dài 3-10 m, cành thường có lông dày màu nâu trắng nhạt hay vàng nhạt. Phiến lá hình trứng, hay hình trứng rộng, cỡ 3-15 x 3-11 cm, mặt trên xám, mặt dưới có lông dày; gân phụ 5-11 cặp; cuống lá 1-5 cm. Cụm hoa mọc ở nách lá; cuống cụm hoa dài 1,5-6 cm; lá bắc hình trứng rộng hoặc hình tam giác, dài 0,8-1,2 cm, mặt ngoài có lông. Hoa có cuống ngắn; đài không đều, hình trứng hay thuôn, 2 lá đài ngoài dài 9-10 mm, đài trong dài 5,5-9 mm, có lông mặt ngoài, nhẵn mặt trong. Tràng màu tím hồng nhạt, ống tràng dạng chuông, dài 1-1,5 cm; thùy 5, hình trứng, 0,4-0,8 cm, mép nguyên, có lông ở gần gốc; bao phấn 2-4 mm; bầu hình cầu, 2 ô; vòi nhụy 2-3 mm. Quả hình cầu đường kính khoảng 6-8 mm. Hạt hình cầu có lông thưa (Ảnh 5).

Loc. class.: Thailand. **Typus:** Put, N. 2190 (K, K000830754).

Sinh học và sinh thái: Ra hoa tháng 9-12, có quả tháng 12-1 (năm sau). Mọc rải rác trong rừng thứ sinh, rừng còi, lùm bụi ở độ cao từ 200-1400 m.

Phân bố: Lào Cai, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng. Còn có ở Ấn Độ, Thái Lan, Trung Quốc, Lào, các nước nhiệt đới châu Á và Ôxtrâyliá.

Mẫu nghiên cứu: Kon Tum, VH 1991 (HN); Nguyễn Hữu Hiến 521 (HN); Trần Đình Lý 671 (HN). – Đắk Lắk, Trần Đình Lý 841 (HN); Nguyễn Tiến Hiệp 337 (HN). – Lâm Đồng, Đỗ 137 (HN).

Giá trị sử dụng: Ở Vân Nam (Trung Quốc), dùng trị sa tử cung, thoát giang, ho khan và ngoại thương xuất huyết (Võ Văn Chi, 2012).

6. *Argyreia pierreana* Bois - Bạc thau pierre

Bois, 1906. Rev. Hort. 78:

- *Argyreia seguinii* Vaniot ex H. Léveillé, 1914. Fl. Kouy-Tchéou: 113

- Thảo bạc pierre.

Dây leo, dài 4-20(-25) m, cành non có lông. Phiến lá hình trứng đến tròn, cỡ 10-22 x 5,5-21 cm, mặt trên nhẵn, mặt dưới có lông, gốc tù đến tròn hoặc gần tim, đỉnh nhọn; gân phụ 10-15 cặp, cuống lá 5-17 cm, có lông vàng nhạt. Cụm hoa dạng xim, ở nách lá; cuống 2-5 cm, có lông vàng; lá bắc hình trứng rộng 2-3,5 x 2-3 cm, có lông mặt ngoài, mặt trong nhẵn; cuống hoa dài 7 mm. Đài hình trứng đến thuôn, hồng hay tím nhạt, đỉnh tù; 3 lá đài ngoài cỡ 1,5-1,7 cm x 8 mm; 2 lá đài trong nhỏ hơn. Tràng hình phễu, tím, hồng, hay trắng nhạt, dài 5-7 cm; ống tràng đường kính 3-4 cm, có lông màu trắng mặt ngoài; bao phấn hình thuôn. Bầu hình cầu. Vòi nhụy hợp với nhau ở góc, dài 3,5 cm. Quả hình cầu, đường kính khoảng 8-10 mm. Hạt màu trắng nhạt, nhẵn (Ảnh 6).

Loc. class.: Vietnam (Hau Tonkin). **Typus:** Bois 323 (P, P00584836).

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa tháng 9-10. Mọc rải rác ven rừng, lùm bụi.

Phân bố: Lạng Sơn, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Hà Nam, Thanh Hóa, Gia Lai, Đắk Lắk. Còn có ở Thái Lan, Lào và Trung Quốc.

Mẫu nghiên cứu: Lâm Đồng, Đoàn khảo sát Việt Trung 3862 (HN); Nguyễn Hữu Hiến 15374 (HN). -Vĩnh Phúc, Đào Minh Thái 55, 115 (HN). – Quảng Ninh, Đoàn khảo sát Việt Trung 5061 (HN). – Thanh Hóa, Phương 5743 (HN). – Gia Lai, Phương 1301 (HN); LX-VN 2645, 4455 (HN). -Đắk Lắk, Nguyễn Thị Nhan 668 (HN); Hà Thị Dung 532 (HN).

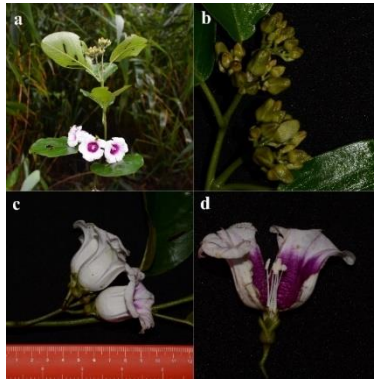
Giá trị sử dụng: Ở Vân Nam (Trung Quốc), dây và lá được dùng trị đòn ngã tổn thương, phong thấp tê đau, viêm phế quản, băng lậu, nội thương xuất huyết, bệnh mãn ngứa, viêm tuyến vú và các loại ghẻ lở (Võ Văn Chi, 2012).

Ghi chú: Nguyễn Thị Nhan và Dương Đức Huyền (2003), Phạm Hoàng Hộ (2003) và các tài liệu của Việt Nam thì tên gọi *Argyreia seguinii* là một loài riêng biệt. Qua nghiên cứu, chúng tôi theo quan điểm của theplantlist.org, World checklist of Selected Plant Families (WCSP), “Convolvulaceae: Flora of Cambodia, Laos and Vietnam” (Staple

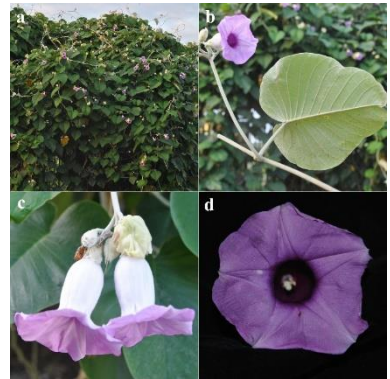
G., 2018) và các tài liệu khác trên thế giới coi tên gọi này là synonym của loài là của *Argyreia pierreana* Bois.



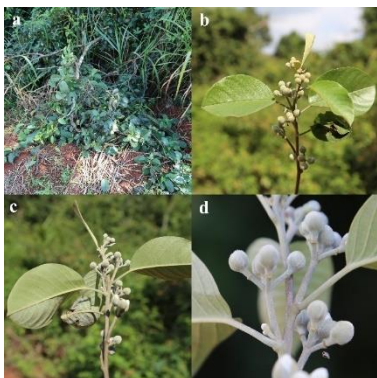
Ảnh 1: *Argyreia capitiformis* a. Cảnh mang lá và cụm quả; b. Mặt dưới lá; c. Cụm quả; d. Quả cắt ngang (Ảnh chụp: Trần Đức Bình)



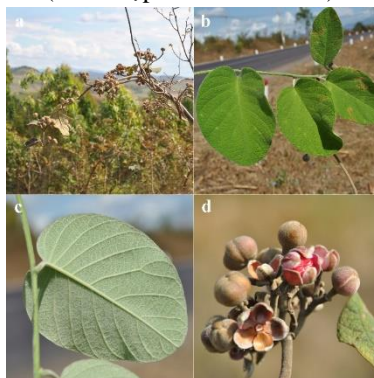
Ảnh 2: *Argyreia mollis*; a. Cảnh mang hoa; b. Cụm hoa; c. Cụm hoa; d. Hoa mở dọc. (Ảnh chụp: Trần Đức Bình)



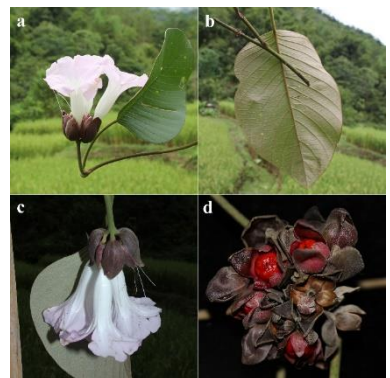
Ảnh 3: *Argyreia nervosa*; a. Dạng sống; b. Mặt dưới lá; c. Cụm hoa; d. Hoa. (Ảnh chụp: Trần Thế Bách)



Ảnh 4: *Argyreia obtusifolia* Lour. a. Dạng sống; b. Mặt trên lá và cụm hoa; c. Mặt dưới lá và cụm hoa; d. Cụm hoa. (Ảnh chụp: Trần Thế Bách)



Ảnh 5: *Argyreia osyrensis*; a. Dạng sống; b. Mặt trên lá; c. Mặt dưới lá; d. Cụm quả. (Ảnh chụp: Trần Thế Bách)



Ảnh 6: *Argyreia pierreana*; a. Cảnh mang hoa; b. Mặt dưới lá; c. Cụm hoa; d. Cụm quả. (Ảnh chụp: Trần Đức Bình)

Hình 1. Các loài làm thuốc trong chi Bạc thau (*Argyreia* Lour.)

4. KẾT LUẬN

Xác định chi Bạc thau (*Argyreia* Lour.) ở Việt Nam có 6 loài được sử dụng làm thuốc, với nhiều nhóm bệnh khác nhau. Trên cơ sở những dữ liệu hiện có, chúng tôi đã cung cấp các đặc điểm để nhận biết chi, xây dựng bản mô tả đặc điểm nhận biết, cung cấp các thông tin tóm tắt về phân bố, sinh thái và giá trị tài nguyên cho 6 loài làm thuốc thuộc chi Bạc thau (*Argyreia* Lour.) ở Việt Nam. Sử dụng tổ hợp tên mới cho loài Bạc thau hoa đầu ở Việt Nam là *Argyreia capitiformis* (Poir.) Ooststr.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu được tài trợ bởi Đề tài cơ sở mã số IEBR ĐT.7-20, nhiệm vụ cơ sở IEBR.NV.3-20 và dự án “Tiềm năng sinh học của nguyên liệu sinh học ở Việt Nam” mã

số VON001.08/18-19 và Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số NAFOSTED 106.03-2017.08.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đỗ Huy Bích và nnk. 2004. Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1, tr. 115-116.
- Võ Văn Chi, 2012. Từ điển Cây thuốc Việt Nam, Nxb. Y học, Hà Nội, 1: 77-81.
- Võ Văn Chi, Trần Hợp, 2002. Cây cỏ có ích ở Việt Nam, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2: 128-132.
- Gary J. Martin, 2002. Thực vật dân tộc học, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 363 trang.
- Phạm Hoàng Hộ. 2003. Cây cỏ Việt Nam, 2, tr. 794-798, Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Thị Nhan & Dương Đức Huyền, 2003. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 3: tr. 167-172.
- Staples, G. 2018. Convolvulaceae: Flora of Cambodia, Laos and Vietnam. Publications scientifiques du Muséum, Paris; Royal Botanic Garden, Edinburgh; IRD, Marseille, tr. 25-77.
- Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007. Các phương pháp nghiên cứu thực vật. Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 171 tr.
- www.theplantlist.org.
- <https://wensp.science.kew.org/> - World checklist of Selected Plant Families (WCSP).

THE MEDICINAL PLANT SPECIES OF *Argyreia* Lour. IN VIET NAM

Tran Duc Binh^{1*}, Le Ngoc Han¹, Doan Hoang Son¹, Duong Thi Hoan¹,
Nguyen Thi Thanh Huong^{1,2}, Vu Anh Thuong¹, Nguyen Thu Thuy³

Abstract: In Vietnam, the genus *Argyreia* Lour. (Convolvulaceae Juss.) comprises about 18 species. There are only 6 species which can be used medicinally. In this study, we provide preliminary basic characteristics to identify the medicinal *Argyreia* species, their ecology, distribution and phenology in Viet Nam. A new combinational name, *Argyreia capitiformis* (Poir.) Ooststr., should be used for this species in Vietnam.

Keywords: *Argyreia*, Convolvulaceae, medicinal.

¹Institute of Ecology and Biological Resources, Vietnam Academy of Science and Technology

²Graduate University of Science and Technology, Vietnam Academy of Science and Technology

³Vietnam-Korea Biological Material Research Center - Korea Research Institute of Bioscience & Biotechnology

*Email: tranbinha4@gmail.com